

Số: /PTX-BC-BGD

Vinh, ngày 18 tháng 3 năm 2019



DỰ THẢO

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019

Kính thưa Quý vị cổ đông và Quý vị đại biểu!

I. KẾT QUẢ SXKD NĂM 2018

1.1. Tổng quan về môi trường kinh doanh trong năm 2018

Năm 2018, nền kinh tế trong nước tương đối ổn định, tốc độ tăng trưởng bình quân cả nước đạt 6,7%. Trong khi đó tốc độ tăng trưởng tỉnh Nghệ An đạt: 8,77%; Hà Tĩnh: 20,8%.

Toàn tỉnh Nghệ An đã cấp mới (chấp thuận chủ trương đầu tư và cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) cho 50 dự án, với tổng vốn đầu tư đăng ký 6.200 tỷ đồng. Đây là một yếu tố rất thuận lợi cho Công ty tiếp cận các dự án nhằm gia tăng sản lượng và nâng cao hiệu quả trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.

Việc điều hành giá xăng dầu của chính phủ năm 2018 đã bám sát với giá dầu thế giới, vận hành theo Nghị định số 83/2014/NĐ - CP, do đó cơ chế lãi gộp linh hoạt được duy trì khá ổn định.

Ngoài những mặt thuận lợi thì thị trường xăng dầu nội địa cạnh tranh ngày càng quyết liệt, số lượng cửa hàng bán lẻ trên địa bàn tăng đã chia sẻ thị phần. Việc cạnh tranh không bình đẳng giữa các đơn vị kinh doanh cùng ngành hàng vẫn diễn ra thường xuyên. Ngoài ra các đơn vị như PV Oil, DKC không ngừng đẩy nhanh việc mở rộng mạng lưới phân phối, thông qua việc đưa ra các cơ chế bán hàng có sức cạnh tranh cao, những điều này ảnh hưởng lớn đến thị phần Petrolimex trên địa bàn.

Thị trường vận tải gặp nhiều khó khăn, vận tải nội địa bị cạnh tranh lớn với các đơn vị tư nhân, đặc biệt là vận tải cho đối tượng là các khách hàng đại lý, khách công trình của các đối tác truyền thống. Thời điểm đầu năm 2018, do chuyển đổi mặt hàng nên công tác vận tải gặp nhiều khó khăn. Phương tiện không tận dụng và khai thác

được hết năng lực, các xe phải nằm chờ tại kho ảnh hưởng đến chi phí và hiệu quả Công ty. Trong khi đó vận tải Lào, thủ tục tái xuất qua cửa khẩu gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng đến sản lượng của các đơn vị. Do cơ quan kiểm hóa tại cửa khẩu đang áp dụng bộ tỷ trọng theo tiêu chuẩn Thái Lan đối với mặt hàng Xăng (≥ 0.72). Bên cạnh đó thị trường Lào không ổn định do một số khách hàng của PLL đã chủ động đầu tư phương tiện để vận chuyển.

1.2. Những kết quả đạt được:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	Thực hiện		Tỷ lệ TH % 2018 so với	
				2017	2018	2017	KH 2018
1	Sản lượng thực hiện						
-	Xăng dầu	m3	66.400	65.670	69.161	105	104
+	Bán lẻ	m3	42.400	40.055	42.867	107	101
+	Bán buôn	m3	22.295	23.848	24.559	103	110
+	Nội dụng	m3	1.705	1.767	1.735	98	102
-	Dầu mỡ nhờn	Lit	172.000	164.964	140.746	85	82
-	Gas	Kg	655.000	610.431	704.566	115	108
-	Vận tải	m3.km	52.000.000	50.721.818	60.828.965	120	117
-	Đào tạo lái xe	Học viên	8.180	9.589	10.485	109	128
+	Học viên hạng A1	Học viên	5.000	6.638	7.264	109	145
+	Học viên hạng B	Học viên	2.700	2.471	2.872	116	106
+	Học viên hạng C	Học viên	480	480	349	73	73
2	Doanh thu hợp nhất	Tr.đồng	1.096.487	1.019.782	1.291.840	127	118
3	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	Tr.đồng	7.957	7.112	8.324	117	105
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	6.299	5.556	6.407	115	102
5	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đồng	39.786	35.128	72.800	207	182

Nhìn chung trong năm 2018, tuy môi trường kinh doanh gặp không ít khó khăn nhưng các chỉ tiêu của Công ty đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

1.2.1. Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn, gas:

Tổng sản lượng xăng dầu năm 2018 đạt: 69.161M3, đạt 104% kế hoạch, tăng 5% so với cùng kỳ, trong đó:

- + Bán lẻ: 42.867 M3, đạt 101% kế hoạch, tăng 7% so với cùng kỳ
- + Bán buôn: 24.559 M3, đạt 110% kế hoạch, tăng 3% so với cùng kỳ
- + Nội bộ: 1.735 M3, đạt 102% kế hoạch, giảm 2% so với cùng kỳ.

Sản lượng xuất bán xăng dầu năm 2018 tăng là do: Nhà nước bãi bỏ mặt hàng xăng Ron 92 và thay thế bằng xăng E5 Ron 92 là một mặt hàng mới, với nguồn hàng chủ động (trong khi đó các đối tác khác bị động nguồn hàng). Từ đó Công ty tăng được sản lượng bán ra, đồng thời Công ty cũng phát triển thêm khá nhiều các khách

hàng, cũng như xây dựng các chính sách cơ chế nhằm kích thích người lao động tăng sản lượng và thu hút khách hàng đến mua hàng.

Năm 2018, thời tiết vùng Nghệ An - Hà Tĩnh khá thuận lợi nên nhu cầu vận tải hàng hóa tăng cao, cũng như phù hợp với việc thi công công trình, do đó nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu cũng tăng cao hơn. Năng suất lao động bình quân trong năm 2018 là: 24,3 M3/người/tháng, tăng 0,3 M3/người/tháng, đây là mức tăng chưa đạt được sự kỳ vọng.

- Tổng sản lượng dầu mỡ nhờn: 140.746 lít, đạt 82% kế hoạch, giảm 15% so với cùng kỳ:

Sản lượng dầu nhờn có sự giảm sút lớn, chủ yếu do gặp phải sự cạnh tranh lớn từ nhiều hãng dầu. Các cửa hàng xăng dầu chưa chú trọng nhiều đến việc mở rộng thị trường dầu nhờn. Trong khi cơ chế thị trường và giá bán các mặt hàng dầu nhờn của Petrolimex luôn cao hơn các hãng khác nên việc lôi kéo khách hàng gặp nhiều khó khăn.

- Sản lượng gas đạt: 704.566 tấn, đạt 108% kế hoạch, tăng 15% so với cùng kỳ. Đây là nỗ lực khai thác khách hàng rất lớn trong điều kiện thị trường cạnh tranh cao và Công ty chịu bất lợi về chính sách giá bán.

1.2.2 Lĩnh vực vận tải xăng dầu:

- Tổng sản lượng vận tải năm 2018 đạt: 60.828.965 m³km, đạt 117% kế hoạch, tăng 20% so với cùng kỳ. Trong đó:

+ Vận tải Lào: 25.204.914 m³km, đạt 110% kế hoạch, giảm 12% so với cùng kỳ.

+ Vận tải nội địa: 35.624.051 m³km, đạt 145% kế hoạch, tăng 62% so với cùng kỳ.

Cụ thể như sau:

- Đối với vận tải Lào:

+ Sản lượng vận chuyển cho Công ty Petrolimex Lào đạt 105% kế hoạch, giảm 12% so với cùng kỳ là do một số địa bàn như Khamuon, Paksan, Savanakhec và Lacxao các Kho chủ động đầu tư phương tiện và thuê phương tiện của người Lào để vận chuyển. Bên cạnh đó PLL còn chủ động thuê thêm các phương tiện ngoài để vận chuyển cho Vienchan và đặc biệt là Xiengkhuang (PTS Hà Tây).

+ Sản lượng vận chuyển cho Tổng Công ty Xăng dầu Lào đạt 186% kế hoạch, tăng 15% so với cùng kỳ là do Tổng Công ty xăng dầu Lào tăng thị phần tại thị trường Hủa Phăn, Sầm Nưa và một phần là sản lượng các công trình thủy điện tại Xiengkhuang tăng cao.

+ Sản lượng vận chuyển cho Công ty Xăng dầu Quân đội Lào đạt 50% kế hoạch, giảm 57% so với cùng kỳ là do đơn vị phụ thuộc vào nguồn ngân sách Lào

trong khi đó nguồn ngân sách rất hạn chế và chậm thời gian dẫn đến tiến độ cho kế hoạch đơn hàng không kịp.

- Đối với vận tải nội địa:

+ Sản lượng vận chuyển cho Công ty Xăng dầu Nghệ An đạt 87% kế hoạch, giảm 10% so với cùng kỳ là do sản lượng tại các cửa hàng xa vị trí trung tâm sản lượng giảm, bên cạnh đó sản lượng cho khối khách hàng bán buôn giảm mạnh, đạt 62% kế hoạch, giảm 36% so với cùng kỳ.

+ Sản lượng vận chuyển cho Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh đạt 100% kế hoạch, tăng 3% so với cùng kỳ là do năm 2018 tăng 03 cửa hàng so với năm 2017.

+ Sản lượng của Công ty Xăng dầu Thanh Hóa (đạt 941% kế hoạch, tăng 869% so với cùng kỳ) và Quảng Bình (đạt 631% kế hoạch, tăng 549% so với cùng kỳ). Sản lượng tăng đột biến do đầu năm 2018 chuyển đổi mặt hàng A92 thành E5 nên kho phía bắc và phía nam không đủ nguồn hàng, lượng hàng của Công ty Xăng dầu Thanh Hóa và Quảng Bình phải lấy kho Bến Thủy và Nghi Hương, thêm vào đó từ tháng 6 năm 2018 có sự chuyển giao đội xe Thanh Hóa cho Công ty nên toàn bộ sản lượng bán của Công ty XD Thanh Hóa do Công ty vận chuyển.

+ Sản lượng vận chuyển cho Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex (PA) đạt 139% kế hoạch, tăng 140% so với cùng kỳ là do từ tháng 8/2018 Công ty được bổ sung thêm 01 phương tiện dung tích 45m³, trong khi đó cùng kỳ Công ty chỉ tham gia vận chuyển từ tháng 6/2017.

1.2.3. Lĩnh vực đào tạo sát hạch lái xe và các lĩnh vực khác

Mặc dù tiếp tục phải chịu sự cạnh tranh rất lớn của 09 trung tâm trên địa bàn, trong khi các cơ quan quản lý ngày càng thắt chặt công tác kiểm tra, giám sát công tác đào tạo và sát hạch. Nhưng với lợi thế được cấp phép sát hạch ô tô từ ngày 12/01/2017, đồng thời được thu hút dịch vụ sát hạch của các trung tâm khác từ đầu năm 2018 dẫn đến việc thu hút học viên tại Trung tâm khả quan hơn.

- Tổng số lượng đào tạo là: 10.485 học viên, đạt 128% kế hoạch cả năm, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2017.

- Lợi nhuận đào tạo lái xe đạt 1.340 triệu đồng.

- Lĩnh vực cơ khí sửa chữa, kinh doanh cột bơm và các lĩnh vực khác mang lại lợi nhuận 168 triệu đồng, đạt 67% so với KH, tăng 363% so với năm 2017. Các lĩnh vực này đã hỗ trợ tốt cho các lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.

II. CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH HỢP NHẤT:

2.1. Tình hình tài sản của Công ty:

2.1.1 Giá trị tài sản Công ty thời điểm 31/12/2018 là 247.125 triệu đồng, tăng 58.546 triệu đồng so với đầu năm 2018, tỷ lệ tăng 31% so với năm 2017:

Trong đó gồm:

+ Tài sản ngắn hạn: 65.602 triệu đồng

- Tiền và các khoản tương đương tiền: 5.021 triệu đồng
- Các khoản phải thu ngắn hạn: 41.239 triệu đồng
- Hàng tồn kho: 11.106 triệu đồng
- Tài sản ngắn hạn khác: 8.236 triệu đồng

+ Tài sản dài hạn: 181.523 triệu đồng

- Giá trị còn lại của tài sản cố định: 162.593 triệu đồng
- Xây dựng cơ bản dở dang: 7.636 triệu đồng
- Tài sản dài hạn khác: 11.294 triệu đồng

2.1.2 Nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2018:

+ Vốn chủ sở hữu: 55.423 triệu đồng

- Vốn điều lệ: 38.985 triệu đồng
- Vốn khác của chủ sở hữu: 326 triệu đồng
- Quỹ đầu tư phát triển: 9.705 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 6.407 triệu đồng

+ Nợ phải trả: 191.702 triệu đồng

- Nợ phải trả ngắn hạn: 164.884 triệu đồng
- Nợ dài hạn: 26.818 triệu đồng

2.2. Phân tích các chỉ tiêu:

T	Chỉ tiêu cơ cấu vốn, tài sản	Đơn vị tính	TH năm 2017	TH Năm 2018
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản		71,8	73,6
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		28,2	26,5
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		73,8	77,6
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		26,2	22,4
3	Hệ số nợ			
	Hệ số nợ/ tổng tài sản		0,74	0,78
	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu		2,8	3,4
	Hệ số nợ ngân hàng/ vốn chủ sở hữu		2,3	2,8

Qua các chỉ tiêu trên thì tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản dài hạn chiếm 73,6%, tài sản ngắn hạn chỉ chiếm 26,5% tổng tài sản. Nguồn vốn chủ yếu là vốn vay,

vốn vay và nợ phải trả chiếm 77,6% tổng nguồn vốn; vốn chủ sở hữu chỉ chiếm 22,4% tổng nguồn vốn. Công ty cũng đã hoàn tất các thủ tục chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu, khiến vốn điều lệ tăng, đạt mức 38.985 triệu đồng trong năm 2018 và Công ty cũng đã có kế hoạch nâng vốn điều lệ tiếp theo trong năm 2019.

+ Khả năng thanh toán:

+ Khả năng sinh lời:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2017	TH Năm 2018
1	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,38	0,33
	- Khả năng thanh toán hiện hành		0,49	0,40
2	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu Thuần		0,54	0,51
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		12	12
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		2,9	2,6
	- Hệ số LN từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần		0,70	0,66

+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 3.898.457 cổ phiếu

+ Cổ tức: 13%

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN:

Trong năm 2018 tổng giá trị đầu tư của Công ty là: 72.800 triệu đồng.

Công ty đã xây dựng xong và đưa vào hoạt động CHXD Đại Nài, CHXD Bắc Thạch Linh, CHXD Kỳ Châu; Bãi tập xe cho Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe PTS tại Hưng Đông đã cơ bản hoàn thành.

Triển khai thủ tục đầu tư 03 CHXD (Thạch Quý, Thạch Sơn và Hiến Sơn), dự kiến quý I năm 2019 sẽ hoàn thành thủ tục đầu tư.

CHXD Hưng Đông mới (Nghệ An) và CHXD Yên Hồ (Hà Tĩnh) là 2 cửa hàng phát sinh ngoài kế hoạch 2018, cơ quan chức năng đã chấp thuận chủ trương đầu tư và công ty đang làm thủ tục tiếp theo.

Triển khai cải tạo nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục tại các đơn vị cơ sở: CHXD Trường Thi, CHXD Nghi Hoa, CHXD Thạch Khê, CHXD Hưng Lộ c, CHXD Nghĩa Trung, TTĐT và Sát hạch lái xe...

Nâng cấp hệ thống nhận diện thương hiệu Petrolimex (thay đổi hộp đèn chữ P, chữ Petrolimex trên diêm MCCB) cho một số CHXD: Xuân Lĩnh, Diễn Đoàn, Đại Nài, Nghi Long, Nghi Hoa.

Thực hiện đầu tư mới 06 xe Hyundai, tạc nhôm 28-29 m³; đầu tư thay thế 2 đầu kéo Dawoo; mua 18 xe từ Công ty xăng dầu Thanh Hóa.

IV/ KẾ HOẠCH NĂM 2019 VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

4.1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH 2019	% KH
1	Sản lượng thực hiện			
-	Xăng dầu	M3	65.000	94
+	Bán lẻ	M3	45.000	105
+	Bán buôn, đại lý	M3	18.200	74
+	Nội dụng	M3	1.800	104
-	Dầu mỡ nhờn	M3	150	106
-	Gas	Tấn	754	107
-	Vận tải	m3.km	65.860.335	108
-	Đào tạo lái xe	Học viên	8.439	78
+	Học viên A1	Học viên	5.500	76
+	Học viên B	Học viên	2.637	92
+	Học Viên C	Học viên	302	87
2	Doanh thu hợp nhất	Tr.đồng	1.189.163	92
3	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	Tr.đồng	9.200	110
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10	77
5	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đồng	62.742	86

4.2. Một số giải pháp chủ yếu:

- Tổ chức quyết liệt công tác kinh doanh Gas, dầu mỡ nhờn, bảo hiểm, phấn đấu gia tăng sản lượng bán ra. Chú trọng các hình thức chăm sóc khách hàng, đặc biệt là các khách hàng truyền thống.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác vận tải, các cửa hàng bán lẻ nhằm nâng cao chất lượng vận tải, chi phối thị trường vận tải cũng như nâng cao chất lượng phục vụ tại các cửa hàng bán lẻ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị cơ sở, nâng cao chất lượng công tác quản lý các đơn vị, quản lý dòng tiền. Đảm bảo an toàn tuyệt đối về tài chính, bảo toàn tốt và phát triển vốn, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Nắm bắt tốt thông tin thị trường, kịp thời đưa ra các chính sách kinh doanh phù hợp với từng thời điểm.

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối mọi mặt trong SXKD, tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra giám sát việc chấp hành quy định về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an ninh, an toàn tại các cửa hàng xăng dầu.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ, nhằm phát huy sở trường, năng lực của mỗi người, tạo nguồn cán bộ có trình độ đáp ứng yêu cầu phát triển của Doanh nghiệp.

V. KẾT LUẬN

Trong năm 2018, tuy gặp phải nhiều khó khăn cũng như sự cạnh tranh lớn trên thị trường nhưng Công ty đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy còn nhiều lĩnh vực kinh doanh của Công ty vẫn chưa phát huy hết tiềm năng. Trong năm 2019, dự kiến sự cạnh tranh trên thị trường còn lớn hơn, nhiều yếu tố khách quan sẽ ảnh hưởng đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty. Nhưng với sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên trong Công ty và sự phối hợp chặt chẽ sức mạnh trong hệ thống Petrolimex, Công ty PTS Nghệ Tĩnh sẽ phấn đấu hoàn thành kế hoạch đặt ra.

Trên đây là kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và kế hoạch năm 2019 báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông năm 2019 của Công ty PTS Nghệ Tĩnh.

Trân trọng cảm ơn./.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Số: /PTX-BC-BKS

Vinh, ngày 18 tháng 3 năm 2019



DỰ THẢO

DỰ THẢO

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY PTS NGHỆ TĨNH NĂM 2018**

Kính thưa:

- Các Quý vị đại biểu
- Các Quý vị cổ đông

Thực hiện chức năng nhiệm vụ kiểm tra giám sát quy định tại Luật Doanh nghiệp; Điều lệ của Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra giám sát và tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2018 như sau:

**PHẦN I
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Ban kiểm soát Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh gồm 3 thành viên:

1. Ông Trần Anh Tuấn – Trưởng ban
2. Ông Trần Thanh Sơn – Kiểm soát viên
3. Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm soát viên

Ban kiểm soát (BKS) đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ giám sát hoạt động quản lý điều hành đảm bảo nguyên tắc khách quan, trung thực căn cứ vào điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông, của Hội đồng quản trị (HĐQT), các quy định pháp lý hiện hành. Trong năm 2018 BKS đã triển thực hiện các công việc sau:

- BKS đã xây dựng chương trình kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên theo khả năng chuyên môn.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đưa ra kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và Nghị quyết của HĐQT. Giám sát tình hình hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc, các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng/năm, rà soát công nợ khách hàng, chi phí kinh doanh, lao động tiền lương và thực hiện kế hoạch đầu tư. Định kỳ 6 tháng /năm báo cáo kiểm soát gửi HĐQT và Ban điều hành trong đó có đưa ra các kiến nghị đối với HĐQT và Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị Công ty.

PHẦN II

KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT

I. Thẩm định báo cáo tài chính:

- Ban kiểm soát thống nhất với nội dung của Báo cáo tài chính Công ty tại thời điểm 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trong báo cáo tài chính:

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/201 8	31/12/201 7
I	Tổng tài sản		247.125	188.579
1	Tài sản ngắn hạn	Trđồng	65.602	53.276
2	Tài sản dài hạn	Trđồng	181.523	135.303
II	Tổng nguồn vốn		247.125	188.579
1	Nợ phải trả	Trđồng	191.702	139.242
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Trđồng	55.423	49.337
III	Khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,39	0,49
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,33	0,38
IV	Cơ cấu nguồn vốn			
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	77,6	73,8
2	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	22,4	26,2
V	Khả năng sinh lợi			
	Lợi nhuận sau thuế	Trđồng	6.407	5.556
1	ROE (Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu BQ)	%	12,2	11,9
2	ROA (Tỷ suất LNST/Tổng tài sản BQ)	%	2,94	3,07
VI	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	1.789	1.602

Tổng tài sản và nguồn vốn 247.125Trđ, tăng 58.546Trđ so với đầu năm, trong đó tài sản ngắn hạn 65.602Trđ, tăng 12.325Trđ, chiếm 26%, tài sản dài hạn 181.523Trđ, tăng 46.221 Trđ, chiếm 74%, nợ phải trả 191.702Trđ, tăng 52.460Trđ, chiếm 78%, vốn chủ sở hữu 55.423Trđ, tăng 6.068Trđ, chiếm 22%. So với đầu năm, tài sản tăng tập trung công nợ phải thu, tăng 3.655Trđ, tài sản ngắn hạn khác tăng 4.522Trđ, tài sản cố định tăng 40.858Trđ, trong đó XDCCB tăng 5.444Trđ, tương ứng với nguồn vốn vay ngắn hạn ngân hàng tăng 44.192Trđ, nợ dài hạn giảm 3.247Trđ do Công ty thực hiện đầu tư năm 2018 bằng nguồn vốn vay ngắn hạn với lãi suất thấp.

Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu = 3,4 lần, tăng 0,6 lần so với cùng kỳ năm 2017, vốn chủ sở hữu tài trợ 22% nhu cầu vốn Công ty. Khả năng thanh toán ngắn hạn 0,39 lần, tài sản ngắn hạn không đảm bảo thanh toán các khoản nợ của Công ty do Công ty đang sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để đầu tư tài sản cố định, với mô hình này Công ty sử dụng được nguồn vốn với lãi suất thấp nhưng lại làm gia tăng rủi ro về mặt tài chính. Cân đối nguồn vốn dài hạn và tài sản dài hạn tại thời điểm 31/12/2018 nguồn vốn dài hạn thiếu 99.282Trđ.

II/ Kết quả triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và một số nhiệm vụ trọng tâm:

2.1 . Kết quả báo cáo hợp nhất năm:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	% so	% so
- Sản lượng					
+ Vận tải	m ³ Km	52.000.000	60.828.965	117	120
+ Xăng dầu	m ³ /Tấn	66.400	69.161	104	105
+ Đào tạo & SH lái xe	Học viên	8.180	10.485	128	109
- Doanh thu thuần	Tr đồng	1.096.187	1.291.477	118	122
- Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	7.957	8.324	105	117
- Lợi nhuận sau thuế	%	6.299	6.407	102	115
- Lợi nhuận sau thuế/VĐL	%	16,2	17	105	100
- Chi trả cổ tức dự kiến	%	13	13	100	100
- Tổng giá trị đầu tư	Tr đồng	39.786	72.800	183	207

Doanh thu thuần đạt 1.291.477Trđ, đạt 118% KH tăng 22% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận trước thuế lãi 8.324Trđ, đạt 105% KH và tăng 17% so với cùng kỳ năm trước, trong đó lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh 8.156Trđ chiếm tỷ trọng 98,7%.

Lợi nhuận sau thuế lãi 6.407Trđ, đạt 102% KH và tăng 15% so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ 17%, đạt 105% KH, bằng 100% so năm 2017.

Cổ tức dự kiến chi trả 13%, đạt 100% KH.

2.2. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD:

• Lĩnh vực vận tải:

Sản lượng vận tải 60.828.965m³km, hoàn thành vượt KH 17% và tăng trưởng 20%, trong đó sản lượng tuyến Lào 25.204.914m³km, vượt 10%KH, giảm 12% so với cùng kỳ, vận tải nội địa 35.624.051m³km, vượt 45%KH, tăng trưởng 62% so với cùng kỳ. Lợi nhuận từ hoạt động vận tải 2.602Trđ đạt 120% KH tăng 25% cùng kỳ.

• Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn, gas:

Sản lượng bán xăng dầu 69.161m³ đạt 104% KH kế hoạch và tăng trưởng 5% năm trước, trong đó sản lượng bán lẻ xăng dầu 42.867m³, tăng trưởng 7%, bán buôn 24.559m³ tăng trưởng 3%. Lãi gộp xăng dầu BQ 1.015đ/lít, tăng 3đ/l so với năm trước, trong năm có 23 lần tăng giảm giá hàng tồn kho, tăng lãi gộp 2.072Trđ. Lợi nhuận từ kinh doanh xăng dầu 3.955Trđ tăng 17% so với năm trước. Năng suất lao động bình quân 24 m³/người/tháng.

Sản lượng DMN 140.746lít, đạt 82%KH, giảm 15% so với cùng kỳ, trong đó sản lượng bán lẻ 76.393lít, đạt 77%KH, giảm 19% so với cùng kỳ, bán buôn 48.236lít, đạt 84%KH, giảm 11% so với cùng kỳ. Lợi nhuận kinh doanh DMN 86Trđ.

Sản lượng kinh doanh gas 705 tấn, đạt 108%KH, tăng trưởng 15% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó sản lượng bán lẻ đạt 302 tấn, đạt 91%KH, giảm 2% so với cùng kỳ, bán buôn 402 tấn, đạt 124%KH, tăng trưởng 33% so với cùng kỳ. Lợi nhuận kinh doanh gas 173Trđ.

• Lĩnh vực đào tạo và sát hạch lái xe:

Tổng số lượng đào tạo 10.485 học viên, đạt 128% KH, tăng 9% so với cùng kỳ, trong đó số lượng học viên lái xe ô tô hạng B1, B2 và C đạt 101%KH, tăng 9% so với cùng kỳ, số lượng học viên hạng A1 đạt 145%KH, tăng 9% cùng kỳ. Trong năm Trung tâm đã tổ chức được 29 khóa sát hạch (nội bộ 16 khóa và sát hạch ngoài 13 khóa) góp phần tạo nên doanh thu thuần 23.355Trđ đạt 106%KH, tăng 10% cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế 1.340Trđ đạt 74%KH và 89% so với cùng kỳ.

• Công tác đầu tư:

Tổng giá trị đầu tư 72.800Trđ, đạt 182%KH, tăng 107% so với cùng kỳ. Trong đó đầu tư CHXD 32.252Trđ, trong năm đã hoàn thành đưa vào hoạt động 3 CHXD trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (CHXD Đại Nài, CHXD Bắc Thạch Linh và CHXD Kỳ Châu), cải tạo và nâng cấp hệ thống 1 số CHXD nhằm nâng cao chất lượng bán hàng và thương hiệu cho Công ty, hoàn thiện thủ tục thuê đất tại các địa điểm Hiến Sơn, Hung Đông, Thạch Quý, Thạch Sơn để triển khai xây dựng CHXD, mở rộng thị trường. Đầu tư phương tiện vận tải 37.680Trđ nhằm bổ sung phương tiện phục vụ vận chuyển Jet A1 cho Công ty nhiên liệu bay và chuẩn bị năng lực vận tải khi tiếp nhận thị trường Thanh Hóa và khi Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn gia tăng sản lượng. Đầu tư cải tạo sân tập lái, mua xe tập lái và sát hạch, xây dựng bãi tập phụ lái xe 2.868Trđ.

Công tác đầu tư của Công ty căn cứ theo kế hoạch đầu năm và diễn biến thực tế tại từng thời điểm, Công ty đã triển khai kịp thời, đúng thời cơ, kịp tiến độ để phục vụ hoạt động SXKD. Trong năm công tác đầu tư có tăng đột biến so với KH đề ra chủ yếu từ việc tiếp nhận các phương tiện vận tải của Công ty xăng dầu Thanh Hóa. Công tác đầu tư thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước và Quy chế đầu tư của Công ty.

- **Đánh giá chung:**

Mặc dù công tác kinh doanh gặp không ít những khó khăn, Tuy nhiên Ban Giám đốc và cán bộ quản lý đã tích cực triển khai nhiều giải pháp hoàn thành chỉ tiêu KH năm 2018, duy trì ổn định Công ty, bảo toàn vốn cổ đông, nâng cao đời sống và thu nhập của cán bộ công nhân viên. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Giám đốc được thực hiện cơ bản theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

III/ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

3.1. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Đại hội cổ đông năm 2018 đã thông qua tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty. Miễn nhiệm chức danh của 2 thành viên HĐQT Công ty, gồm Ông Phạm Đức Thắng - Chủ tịch HĐQT, Trưởng nhóm đại diện phần vốn Tập đoàn xăng dầu Việt Nam tại Công ty và Ông Nguyễn Thanh Hải - ủy viên HĐQT, thành viên nhóm đại diện phần vốn của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam tại Công ty.

- HĐQT đã bổ sung thêm 2 thành viên gồm Ông Võ Anh Tuấn - Phó Giám đốc Công ty xăng dầu Nghệ An tham gia HĐQT với tư cách thành viên độc lập và Ông Hoàng Văn Tuyển - Phó Trưởng phòng phụ trách phòng kế toán tài chính Tổng công ty là thành viên nhóm đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty. Ông Hoàng Công

Thành - thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty được bầu là Chủ tịch HĐQT và là Trưởng nhóm đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty.

- HĐQT giao kế hoạch SXKD tổng hợp năm 2018 cho Công ty.

- Trong năm HĐQT đã tiến hành họp định kỳ 4 phiên và ban hành 09 Nghị quyết và Điều lệ Công ty.

- Tiến hành tổ chức Đại hội cổ đông thường niên tháng 4/2018 và thực hiện trả cổ tức 13% vốn điều lệ bằng cổ phiếu. Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM và giao dịch đầu tiên vào ngày 30/7/2018.

- Nhằm cơ cấu lại nguồn vốn để đảm bảo công tác tài chính cho Công ty, HĐQT đã trình Phương án tăng vốn điều lệ theo tỷ lệ 1:0,5 và đã được thông qua Đại hội cổ đông bất thường vào ngày 26 tháng 12 năm 2018.

3.2. Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm:

- Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 và chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.

- Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH kiểm toán An Việt theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2018, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

- Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và BKS theo Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2018 thông qua.

- Năm 2018 Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018 thông qua (*doanh thu, lợi nhuận sau thuế, tỷ suất LNST/vốn chủ sở hữu, cổ tức*).

- Thành lập 2 Chi nhánh trực thuộc trên địa bàn 2 tỉnh Thanh Hóa và Hà Tĩnh. Ngày 01/06/2018 Công ty thành lập Chi nhánh vận tải và dịch vụ Petrolimex Thanh Hóa với đội xe bao gồm 18 phương tiện vận tải, đồng thời thuê CHXD Trúc Lâm nhằm mục đích mở rộng thị trường và cung cấp nhiên liệu nội bộ cho đội xe. Ngày 12/11/2018 thành lập Chi nhánh vận tải và dịch vụ Petrolimex Hà Tĩnh trên cơ sở hợp nhất 8 CHXD kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2018 phù hợp với quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng thẩm quyền theo quy định của Pháp luật và Công ty.

3.3. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông

- Trong năm 2018, BKS được cung cấp thông tin về Nghị quyết, Quyết định HĐQT, các thành viên BKS được mời tham gia đầy đủ các phiên họp định kỳ của HĐQT.

- Định kỳ 6 tháng/năm BKS gửi báo cáo kiểm soát cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Hoàn thành báo cáo hoạt động BKS sau khi tiếp thu các ý kiến của HĐQT. BKS phối hợp với ban điều hành rà soát cân đối năng lực vận tải, công nợ phải thu.

- Tham gia các cuộc kiểm tra đột xuất, kiểm kê quý, năm tại các cửa hàng xăng dầu và kiểm tra định kỳ công tác hoạt động kinh doanh tại Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe PTS, công tác PCCC, ATVSLĐ&BVMT, đo lường chất lượng, công tác bán hàng tại các CHXD và phương tiện vận tải, xưởng cơ khí sửa chữa, trung tâm gas và trung tâm cột bơm.

- Đối với cổ đông: trong năm BKS không nhận được khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

Nhìn chung trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, BKS đã được HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban trong Công ty tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ.

PHẦN III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Để hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2019 và các mục tiêu phát triển trong các năm tiếp theo. BKS có một số kiến nghị với HĐQT như sau:

- Công ty tiếp tục thực hiện rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình quản lý, định mức kinh tế kỹ thuật để có hệ thống các quy định nội bộ phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện thực tế tại Công ty phục vụ quản trị doanh nghiệp hiệu quả.

- Đánh giá lại các hoạt động kinh doanh xăng dầu về sản lượng và công nợ, đặc biệt là các cửa hàng đi thuê.

- Tăng cường công tác kiểm soát công nợ khách hàng ở hai phương thức bán buôn và bán lẻ tại các CHXD, tập trung các khách hàng CHXD ký hợp đồng và các hộ kinh doanh cá thể nhằm hạn chế phát sinh các khoản công nợ quá hạn khó đòi. Đối với

các khoản nợ khó đòi, mất khả năng thanh toán nếu đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật thì có thể làm thủ tục để xóa nợ và theo dõi ngoài sổ sách.

- Tăng cường quản lý tại Trung tâm cột bơm để biện pháp thu hồi công nợ công trình khai thác ngoài doanh nghiệp.

- Xây dựng lại phương án khoán tại các bộ phận nhằm kích thích người lao động gia tăng sản lượng, tăng năng suất lao động so với mặt bằng chung của Tập đoàn.

- Khảo sát lại các cung đường hiện tại và các cung đường mới để xây dựng lại định mức kinh tế kỹ thuật về nhiên liệu và xăng lốp ô tô.

- Khai thác năng lực vận tải một cách tối đa, chỉ thực hiện hợp đồng thuê ngoài khi nhu cầu vận tải thực sự cần thiết.

- Phân tích, đánh giá lại cơ cấu tài sản và nguồn vốn để có giải pháp sử dụng vốn an toàn và hiệu quả.

- Trong điều kiện Công ty đang thiếu vốn thì công nợ của Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào lại luôn giao động ở mức trên 17 tỷ, gây khó khăn về mặt tài chính cho Công ty, kiến nghị Tổng công ty PTC và Tập đoàn xăng dầu Việt Nam quan tâm hỗ trợ hơn nữa cho Công ty PTS Nghệ Tĩnh thông qua công nợ mua hàng với các Công ty xăng dầu thành viên.

- Xây dựng các chương trình đào tạo về chuyên môn cũng như nhận thức cho công nhân lái xe và công nhân bán hàng trong điều kiện kinh doanh đòi hỏi tính chuyên nghiệp cao và phát triển thương hiệu cho Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018. Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và cho ý kiến để Ban kiểm soát thực hiện tốt hơn vai trò của mình trong việc giám sát các hoạt động của Công ty.

Thay mặt Ban kiểm soát tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo, các đơn vị phòng ban, các quý vị cổ đông trong năm qua đã phối hợp, tạo điều kiện giúp đỡ BKS hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao phó. Kính chúc các Quý cổ đông và các Quý vị đại biểu sức khỏe, thành công và hạnh phúc./.

Nơi nhận:

- HDTV TCty (thay b/cáo);
- HDQT, Ban GD cty;
- Các Cổ đông;
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Anh Tuấn

Số: /PTX-BC-HĐQT

Vinh, ngày 18 tháng 3 năm 2019



DỰ THẢO

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY PTS NGHỆ TĨNH

Kính thưa các Quý Cổ đông, các Quý vị đại biểu!

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty PTS Nghệ Tĩnh và các quy định pháp luật liên quan, thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT), tôi xin trình bày báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018 và đề xuất một số định hướng trong năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH.

Năm 2018, tình hình kinh tế trong nước nói chung và điều kiện kinh doanh xăng dầu nói riêng có nhiều thuận lợi và khó khăn đan xen, căn cứ Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt các mục tiêu, định hướng, tạo điều kiện để Ban Điều hành triển khai các giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

Với việc kiên trì những mục tiêu và giải pháp đề ra từ đầu năm, thực hiện điều hành hoạt động SXKD một cách linh hoạt, thích ứng kịp thời với điều kiện thị trường, Công ty PTS Nghệ Tĩnh đã đạt được những kết quả tương đối khả quan, đặc biệt là hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2018 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua bằng Nghị quyết ngày 11/4/2018.

2.1 Đánh giá về các mặt hoạt động của HĐQT năm 2018:

Phân phối lợi nhuận năm 2018: Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện phân phối lợi nhuận theo đúng nội dung của Nghị quyết đại hội;

- HĐQT đã triệu tập và tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2018 vào ngày 26 tháng 12 năm 2018 để thông qua phương án nâng vốn Điều lệ Công ty theo tỷ lệ

1:0,5. Ban hành Biên bản và Nghị quyết Đại hội, công bố thông tin về đại hội theo đúng quy định.

- Triển khai làm hồ sơ nâng vốn Điều lệ căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường, dự kiến Công ty sẽ thực hiện nâng vốn Điều lệ vào cuối quý I, đầu quý II năm 2019.

- Thực hiện chi trả thù lao của HĐQT năm 2018: Trong năm, HĐQT đã tiến hành chi trả thù lao cho HĐQT số tiền là 150.176.000 đồng, thực hiện theo đúng nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018;

- Tổ chức 04 phiên họp thường kỳ để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với sự mở rộng tham gia dự họp của Ban kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty;

- Tổ chức 02 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT để xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phát sinh giữa các phiên họp về thành lập Chi nhánh Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tĩnh và Thanh Hóa;

- HĐQT thông qua việc điều chỉnh giá trị đầu tư năm 2018 so với kế hoạch đã được thông qua tại ĐHĐCĐ do Công ty mua lại 18 xe stec của Công ty Xăng dầu Thanh Hóa;

- Thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam;

- Ban hành các Nghị quyết phiên họp HĐQT định kỳ, Nghị quyết về các vấn đề lấy ý kiến các Thành viên HĐQT;

- Thực hiện phối hợp tốt với Ban kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Doanh nghiệp theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

- Thực hiện chức năng quản trị Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT đã được Điều lệ Công ty quy định.

2.2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành năm 2018

- Ban điều hành đã thực hiện tốt các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018:

+ Lợi nhuận trước thuế: 8.324 triệu đồng, đạt 117% kế hoạch, tăng 5% so với cùng kỳ.

- + Lợi nhuận sau thuế: 6.407 triệu đồng.
- + Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến: 13%
- + Tổng giá trị đầu tư năm 2018: 72.800 triệu đồng
- + Thu nhập bình quân từ tiền lương và các khoản phụ cấp của người lao động: 8,6 triệu đồng/người/tháng, tăng 9% so với cùng kỳ
- Thực hiện đồng bộ các giải pháp quản trị kinh doanh để nâng cao sản lượng kinh doanh xăng dầu
- Quản trị tốt công nợ khách hàng trong điều kiện sản lượng bán buôn vẫn có mức tăng trưởng mạnh
- Xây dựng đề án và hoàn thiện quy trình thành lập các Chi nhánh Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Thanh Hóa, Hà Tĩnh
- Thực hiện tốt việc mở rộng mạng lưới bán lẻ, đã hoàn thành việc xây dựng mới 03 CHXD tại tỉnh Hà Tĩnh, thuê 01 CHXD tại tỉnh Thanh Hóa
- Quy hoạch hệ thống phương tiện vận tải để đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu của Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn khi phát sinh nhu cầu thực tế. Tăng cường công tác quản trị con người và phương tiện đối với mảng kinh doanh vận tải nhiên liệu bay, có định hướng mở rộng thị phần để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2.3 Đánh giá chung:

Với tinh thần trách nhiệm trước cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, có thể đánh giá rằng HĐQT Công ty đã hoàn thành khá tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong việc giám sát đối với Ban Điều hành trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Chính vì vậy mà các chỉ tiêu chủ yếu trong Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 đã được hoàn thành tốt, tạo điều kiện cho việc phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

Đồng thời, chúng tôi cũng nhận thấy rằng mặc dù còn một số mặt chưa đạt được yêu cầu như mong muốn của từng thành viên HĐQT, của Quý cổ đông và của tập thể người lao động trong Công ty. Một số thành viên HĐQT hoạt động kiêm nhiệm, phân tán nên đôi khi chưa đôn đốc sát sao công tác quản lý điều hành Công ty, tỷ lệ vốn chủ sở hữu của Công ty thấp khiến cho công tác đầu tư gặp nhiều khó khăn, tuy vậy chúng tôi vẫn mạnh dạn báo cáo trước Quý cổ đông rằng HĐQT Công ty PTS Nghệ Tĩnh đã hoàn thành những nhiệm vụ trọng yếu mà ĐHĐCĐ năm 2018 đã giao.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2019

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH 2019	% KH
1	Sản lượng thực hiện			
-	Xăng dầu	M3	65.000	94
+	Bán lẻ	M3	45.000	105
+	Bán buôn, đại lý	M3	18.200	74
+	Nội dụng	M3	1.800	104
-	Dầu mỡ nhờn	M3	155	110
-	Gas	Tấn	754	107
-	Vận tải	m3.km	65.860.335	108
-	Đào tạo lái xe	Học viên	8.439	78
+	Học viên A1	Học viên	5.500	76
+	Học viên B	Học viên	2.637	92
+	Học Viên C	Học viên	302	87
2	Doanh thu hợp nhất	Tr.đồng	1.189.163	92
3	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	Tr.đồng	9.200	110
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10	77
5	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đồng	62.742	86

Trong năm 2019, trong điều kiện cơ chế kinh doanh xăng dầu và vận tải sẽ có nhiều biến động, khả năng gia tăng sản lượng kinh doanh xăng dầu không lớn như các năm trước, thị trường kinh doanh vận tải Lào tiếp tục gặp nhiều khó khăn...HĐQT xác định phương hướng hoạt động của Công ty năm 2019 như sau:

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 do ĐHĐCĐ giao.

- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.

- Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp với tình hình.

- Cải tiến hệ thống quản trị theo hướng tiên tiến để đáp ứng yêu cầu quản trị

Công ty trong tình hình mới, đặc biệt là khi Công ty đã thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn chứng khoán tập trung.

- Chỉ đạo đẩy mạnh và đổi mới công tác đào tạo, tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm và chính sách lương - thưởng đối với người lao động.

- Thực hiện các chức năng quản lý Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty.

- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng

chức năng và quyền hạn, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém nhằm cùng với

Ban Giám đốc Công ty phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển, xứng đáng với kỳ vọng của các Quý cổ đông.

Kính thưa các Quý cổ đông và Quý đại biểu!

Trên đây là báo cáo của HĐQT tổng kết hoạt động năm 2018 và phương hướng hoạt động năm 2019, chúng tôi mong muốn rằng các Quý cổ đông sẽ đóng góp nhiều ý kiến thiết thực giúp HĐQT hoạt động ngày càng tốt hơn, đưa lại hiệu quả kinh doanh và gia tăng cổ tức cho cổ đông.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi trân trọng gửi lời cảm ơn đến các Quý vị Cổ đông, các cơ quan chức năng của tỉnh Nghệ An, Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex cùng các đối tác, khách hàng đã tin tưởng và ủng hộ Công ty PTS Nghệ Tĩnh trong những năm qua. Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình vì sự phát triển bền vững của Petrolimex nói chung và Công ty PTS Nghệ Tĩnh nói riêng “Đề tiến xa hơn”.

Thay mặt Hội đồng quản trị tôi xin chúc các Quý cổ đông và các Quý vị đại biểu sức khỏe, thành công và hạnh phúc!

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	11	100		65,602	53,276
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	110		5,021	1,357
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	112	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	113	130		41,239	36,808
IV. Hàng tồn kho	114	140	V.7	11,106	11,397
V. Tài sản ngắn hạn khác	115	150		8,236	3,714
B. Tài sản dài hạn	12	200		181,524	135,303
I. Các khoản phải thu dài hạn	121	210			
II. Tài sản cố định	122	220		162,593	121,735
III. Bất động sản đầu tư	123	230	V.12		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	124	240	V.8	7,637	2,193
V. Đầu tư tài chính dài hạn	125	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	126	260		11,294	11,375
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	1	270		247,125	188,579
C. Nợ phải trả	21	300		191,702	139,242
I. Nợ ngắn hạn	211	310		164,884	109,176
II. Nợ dài hạn	212	330		26,818	30,066
D. Vốn chủ sở hữu	22	400		55,423	49,337
I. Vốn chủ sở hữu	221	410	V.25	55,423	49,337
1. Vốn góp của chủ sở hữu	22101	411		38,985	34,500
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22111	421		6,407	5,556
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	222	430	V.28	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	2	440		247,125	188,579

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018

Mẫu số B 01-DN/HN
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm (báo cáo)	Năm (trước)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,252,560	1,019,703
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
3.	DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1,252,560	1,019,703
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1,154,841	925,167
5.	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		97,718	94,536
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	292	150
7.	Chi phí tài chính	22	VI.5	11,482	10,072
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11,420	9,974
8.	Phân lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.8	52,838	52,214
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	25,468	25,217
11.	LN thuần từ hoạt động KD (30=20+21-22+24-25-26)	30		8,222	7,183
12.	Thu nhập khác	31	VI.6	349	113
13.	Chi phí khác	32	VI.7	247	183
14.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		102	-71
15.	Tổng LN kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8,324	7,112
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1,917	1,557
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	-	-
18.	LN sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		6,407	5,556
18.1	LNST của cô đồng Công ty mẹ	61		6,407	5,556
18.2	LNST của cô đồng không kiểm soát (62=60-61)	62		0	-
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1,789	1,602
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	11	100		65,601,557,952	53,275,829,742
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	110		5,021,110,311	1,356,813,014
1. Tiền	1111	111	V.1	5,021,110,311	1,356,813,014
2. Các khoản tương đương tiền	1112	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	112	120		0	
1. Chứng khoán kinh doanh	1121	121	V.2.a		
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	1122	122	V.2.a		
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1123	123	V.2.b1		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	113	130		41,238,684,923	36,807,790,567
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1131	131	V.3.a	39,418,288,584	35,763,399,334
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	1132	132		214,262,495	126,701,899
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	1133	133		0	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	1134	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	1135	135	V.2.b1		
6. Phải thu ngắn hạn khác	1136	136	V.4.a	2,892,095,832	2,252,153,312
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	1137	137	V.4.a	(1,285,961,988)	(1,334,463,978)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	1138	139	V.5		
IV. Hàng tồn kho	114	140	V.7	11,105,733,605	11,396,937,696
1. Hàng tồn kho	1141	141		11,105,733,605	11,396,937,696
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	1142	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	115	150		8,236,029,113	3,714,288,465
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	1151	151	V.13.a	6,458,941,694	3,473,118,173
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1152	152		1,713,101,046	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1153	153	V.17.b	63,986,373	241,170,292
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	1154	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	1155	155	V.14.a		
B. Tài sản dài hạn	12	200		181,523,702,576	135,303,337,694
I. Các khoản phải thu dài hạn	121	210		0	
II. Tài sản cố định	122	220		162,592,888,752	121,734,758,028
1. Tài sản cố định hữu hình	1221	221	V.9	160,616,429,308	121,218,436,900

- Nguyên giá	12211	222		279,438,456,040	217,385,841,597
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	12212	223		(118,822,026,732)	(96,167,404,697)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	1222	224	V.11	0	
- Nguyên giá	12221	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	12222	226			
3. Tài sản cố định vô hình	1223	227	V.10	1,976,459,444	516,321,128
- Nguyên giá	12231	228		3,068,235,000	1,690,235,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	12232	229		(1,091,775,556)	(1,173,913,872)
III. Bất động sản đầu tư	123	230	V.12	0	
- Nguyên giá	1231	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	1232	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	124	240	V.8	7,636,866,347	2,193,154,769
1. Chi phí SX, kinh doanh dở dang dài hạn	1241	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1242	242		7,636,866,347	2,193,154,769
V. Đầu tư tài chính dài hạn	125	250		0	
VI. Tài sản dài hạn khác	126	260		11,293,947,477	11,375,424,897
1. Chi phí trả trước dài hạn	1261	261	V.13.b	11,293,947,477	11,375,424,897
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	1262	262	V.24.a		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	1263	263	V.7		
4. Tài sản dài hạn khác	1264	268	V.14.b		
5. Lợi thế thương mại	1265	269	V.13.c		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	1	270		247,125,260,528	188,579,167,436
C. Nợ phải trả	21	300		191,702,406,284	139,241,729,370
I. Nợ ngắn hạn	211	310		164,884,119,034	109,175,970,370
1. Phải trả người bán ngắn hạn	21101	311	V.16.a	22,454,618,486	10,903,800,204
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21102	312		1,752,829,772	1,050,263,879
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21103	313	V.17.a	653,035,554	315,407,898
4. Phải trả người lao động	21104	314		7,001,814,128	7,853,283,346
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21105	315	V.18.a	188,218,549	210,199,923
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	21106	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	21107	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21108	318	V.20.a		
9. Phải trả ngắn hạn khác	21109	319	V.19.a	1,691,349,497	2,029,244,165
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21110	320	V.15.a	129,517,728,000	85,325,830,068
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21111	321	V.23.a		
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21112	322		1,624,525,048	1,487,940,887
13. Quỹ bình ổn giá	21113	323			

14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	21114	324			
II. Nợ dài hạn	212	330		26,818,287,250	30,065,759,000
1. Phải trả người bán dài hạn	2121	331	V.16.b		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	2122	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	2123	333	V.18.b		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	2124	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	2125	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	2126	336	V.20.b		
7. Phải trả dài hạn khác	2127	337	V.19.b		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2128	338	V.15.b	26,818,287,250	30,065,759,000
D. Vốn chủ sở hữu	22	400		55,422,854,244	49,337,438,066
I. Vốn chủ sở hữu	221	410	V.25	55,422,854,244	49,337,438,066
1. Vốn góp của chủ sở hữu	22101	411		38,984,570,000	34,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	221011N	411a		38,984,570,000	34,500,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	221012N	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	22102	412		326,109,150	326,109,150
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	22103	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	22104	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	22105	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	22106	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	22107	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	22108	418		9,705,144,755	8,955,705,047
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	22109	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	22110	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22111	421		6,407,030,339	5,555,623,869
- LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	221111N	421a		430,000	
- LNST chưa phân phối kỳ này	221112N	421b		6,406,600,339	5,555,623,869
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	22112	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22113	429			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	222	430	V.28	0	0
1. Nguồn kinh phí	2221	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	2222	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	2	440		247,125,260,528	188,579,167,436

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018

Mẫu số B 01-DN/HN
Đơn vị tính: Đồng

ST T	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm (báo cáo)	Năm (trước)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,252,559,606,666	1,019,702,964,331
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2		-
3.	DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1,252,559,606,666	1,019,702,964,331
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1,154,841,397,678	925,167,417,533
5.	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		97,718,208,988	94,535,546,798
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	291,890,990	149,950,958
7.	Chi phí tài chính	22	VI.5	11,482,449,832	10,071,731,207
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11,420,128,646	9,974,490,691
8.	Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.8	52,837,587,809	52,214,089,972
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	25,468,278,929	25,216,690,869
11.	LN thuần từ hoạt động KD (30=20+21-22+24-25-26)	30		8,221,783,408	7,182,985,708
12.	Thu nhập khác	31	VI.6	348,886,952	112,868,776
13.	Chi phí khác	32	VI.7	246,996,046	183,400,809
14.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		101,890,906	-70,532,033
15.	Tổng LN kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8,323,674,314	7,112,453,675
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1,917,073,975	1,556,829,806
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11		
18.	LN sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		6,406,600,339	5,555,623,869
18.1	LNST của cổ đông Công ty mẹ	61		6,406,600,339	5,555,623,869

18.2	LNST của cổ đông không kiểm soát (62=60-61)	62		0	-
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1,789	1,602
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Số: /PTX-TT-ĐHĐCĐ

Vinh, ngày 18 tháng 3 năm 2019



DỰ THẢO

PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2018

(Trình ĐHĐCĐ thường niên 2019)

I. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

- Căn cứ Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty PTS Nghệ Tĩnh đã được đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 11/04/2018;
- Căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 11/04/2018;
- Căn cứ Báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2018 của Công ty PTS Nghệ Tĩnh đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán An Việt;
- Căn cứ kết quả SXKD thực hiện năm 2018,

II. Số liệu phân phối cụ thể như sau:

2.1 Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2018: 6.406.600.339 đồng

2.2 Phân phối lợi nhuận:

2.2.1 Chi trả cổ tức năm 2018 (cổ tức 13%)

- Số tiền chia cổ tức năm 2018: 5.067.994.100 đồng, chiếm tỷ lệ 79% tổng lợi nhuận sau thuế.

- Mức chia cổ tức năm 2018: 1.300 đồng/Cổ phần.

2.2.2 Phân phối hai quỹ khen thưởng, phúc lợi: 401.581.872 đồng, chiếm tỷ lệ 6% tổng lợi nhuận sau thuế.

2.2.3 Phân phối hai quỹ đầu tư phát triển: 937.024.367 đồng, chiếm tỷ lệ 15% tổng lợi nhuận sau thuế.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Vinh, ngày 18 tháng 3 năm 2019

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Về việc quyết toán QTL và thù lao của các thành viên HĐQT,
các thành viên Ban kiểm soát Công ty năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 11/04/2018;

Căn Nghị quyết 83/PTSNT-NQ-ĐHČĐ ngày 11/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh về việc thông qua phương án về quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và kết quả hoạt động SXKD năm 2018 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh kính trình ĐHČĐ năm 2019 thông qua Báo cáo về việc quyết toán quỹ tiền lương và thù lao đối với của các thành viên HĐQT, các thành viên BKS năm 2018 như sau:

1. Mức lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 11/04/2018. Theo đó, Tổng quỹ tiền lương và thù lao của HĐQT năm 2018 là: **1.375.296.000 đồng**.

2. Mức lương, thù lao của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 11/04/2018. Theo đó, Tổng quỹ tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát năm 2018 là: **514.176.000 đồng**.

(Có phương án cụ thể về quyết toán QTL và thù lao đối với của các thành viên HĐQT, các thành viên BKS kèm theo).

Kính trình ĐHČĐ thường niên năm 2019 xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

**QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO
CỦA HĐQT/HĐTV, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2018**

A. Các chỉ tiêu cơ bản năm 2018:

- Lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch: 6.299 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế thực hiện: 6.407 triệu đồng
- Vốn chủ sở hữu: 52.613 triệu đồng.
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu : 12,2 %

B. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018

TT	Chức danh	Số người	Mức lương/ thù lao cơ bản	Mức lương/ thù lao bình quân	Số tháng làm việc	Quỹ lương, thù lao thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)=(3)x(4)x(5)	(7)
I	Hội đồng quản trị					1,375,296,000	
1	Chủ tịch HĐQT					443,456,000	
-	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	1	41,000,000	42,640,000	10	426,400,000	Hưởng lương Ctịch HĐQT từ T3/2018
-	Kiểm nhiệm	1	8,200,000	8,528,000	2	17,056,000	Hưởng thù lao T1, T2/2018
2	Thành viên HĐQT					931,840,000	
-	Ban điều hành kiêm nhiệm TV HĐQT	2	32,000,000	33,280,000	12	798,720,000	KTT, PGĐ hưởng lương TVHĐQT
-	Thành viên nhóm đại diện vốn của Tổng công ty	1	6,400,000	6,656,000	2	13,312,000	Thôi thành viên HĐQT từ T3/2018
-	Thành viên nhóm đại diện vốn của Tổng công ty	1	6,400,000	6,656,000	9	59,904,000	Thành viên HĐQT từ tháng 4/2018
-	Thành viên độc lập	1	6,400,000	6,656,000	9	59,904,000	Thành viên HĐQT từ tháng 4/2018
II	Ban Kiểm soát					514,176,000	
1	Trưởng ban Kiểm soát					399,360,000	
-	Chuyên trách	1	32,000,000	33,280,000	12	399,360,000	
2	Thành viên Ban Kiểm soát					114,816,000	
-	Kiểm nhiệm	2	4,600,000	4,784,000	12	114,816,000	

III	Ban điều hành					476,320,000	
1	Giám đốc	1	37,000,000	38,480,000	2	76,960,000	
2	Phó giám đốc	1	32,000,000	33,280,000	12	399,360,000	

* Ghi chú: LNST thực hiện đạt 102% so với kế hoạch, nên mức lương/thù lao thực hiện sẽ bằng 104% so với mức lương/thù lao cơ bản của Người quản lý

LẬP BIỂU

P. KẾ TOÁN

TRƯỞNG NHÓM ĐẠI DIỆN VỐN

**KẾ HOẠCH QŨY TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO
CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2019**

A. Các chỉ tiêu cơ bản năm 2019:

- Lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch: 7.177 Triệu đồng
- Vốn chủ sở hữu kế hoạch bình quân: 65.000 Triệu đồng.
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu theo kế hoạch: 11 %
- * Yếu tố loại trừ trong việc xác định tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (nếu có)

B. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019

TT	Chức danh	Số người bình quân	Mức lương/ thù lao cơ bản (đ/th)	Mức lương/ thù lao kế hoạch (đ/th)	Số tháng thực hiện	Quỹ lương, thù lao kế hoạch (đ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(3)x(5)x(6)	(8)
I	Hội đồng quản trị					1,448,940,000	
1	Chủ tịch HĐQT					520,700,000	
-	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	1	30,000,000	41,000,000	5	205,000,000	Từ T1 đến T5
-	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	1	33,000,000	45,100,000	7	315,700,000	Từ T6 đến T12
2	Thành viên HĐQT					928,240,000	
-	Ban điều hành kiêm nhiệm TV HĐQT	2	23,000,000	31,433,333	5	314,333,333	Từ T1 đến T5
-	Ban điều hành kiêm nhiệm TV HĐQT	2	24,000,000	32,800,000	7	459,200,000	Từ T6 đến T12
-	Thành viên nhóm đại diện vốn của Tổng công ty	1	4,600,000	6,286,667	5	31,433,333	Từ T1 đến T5
-	Thành viên nhóm đại diện vốn của Tổng công ty	1	4,800,000	6,560,000	7	45,920,000	Từ T6 đến T12
-	Thành viên độc lập	1	4,600,000	6,286,667	5	31,433,333	Từ T1 đến T5
-	Thành viên độc lập	1	4,800,000	6,560,000	7	45,920,000	Từ T6 đến T12
II	Ban Kiểm soát					508,673,333	
1	Trưởng ban Kiểm soát					386,766,667	
-	Chuyên trách	1	23,000,000	31,433,333	5	157,166,667	Từ T1 đến T5
-	Chuyên trách	1	24,000,000	32,800,000	7	229,600,000	Từ T6 đến T12
2	Thành viên Ban Kiểm soát					121,906,667	

-	Kiểm nhiệm	2	3,600,000	4,920,000	5	49,200,000	Từ T1 đến T5
-	Kiểm nhiệm	2	3,800,000	5,193,333	7	72,706,667	Từ T6 đến T12
III	Ban điều hành					386,766,667	
-	Phó giám đốc	1	23,000,000	31,433,333	5	157,166,667	Từ T1 đến T5
-	Phó giám đốc	1	24,000,000	32,800,000	7	229,600,000	Từ T6 đến T12

* Ghi chú: Mức lương cơ bản của Người quản lý chuyên trách dự kiến điều chỉnh vào tháng 6/2019 khi Công ty nâng vốn điều lệ từ 39 tỷ lên 58 tỷ đồng

LẬP BIỂU

P. KẾ TOÁN

TRƯỞNG NHÓM ĐẠI DIỆN VỐN

Số: /PTX-TT-ĐHĐCĐ

Vinh, ngày 18 tháng 3 năm 2019



TỜ TRÌNH

DỰ THẢO

(Về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT
và trả lương, thù lao thành viên Ban kiểm soát Công ty năm 2019)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 11/04/2018;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, kế hoạch SXKD năm 2019 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả thù lao thành viên Ban kiểm soát Công ty năm 2019, như sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT và BKS:

* Tổng QTL và thù lao của HĐQT năm 2019 tối đa được hưởng là:
1.448.940.000 đồng.

* Tổng QTL và thù lao của BKS năm 2018 tối đa được hưởng là: **508.673.000 đồng.**

(Có phương án chi tiết trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả thù lao thành viên Ban kiểm soát năm 2019 kèm theo)

2. Phương thức trả thù lao cho các Thành viên HĐQT, các Thành viên BKS Công ty năm 2019: Thực hiện tạm thanh toán hàng tháng và được quyết toán khi kết thúc năm tài chính. HĐQT sẽ báo cáo ĐHĐCĐ Công ty năm 2020 thông qua.

Kính trình ĐHĐCĐ Công ty xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Số: /PTX-TT-ĐHĐCĐ

Vinh, ngày 18 tháng 3 năm 2019



TỜ TRÌNH

DỰ THẢO

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Khoản a Điểm 1 Điều 36 Điều lệ Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/4/2018;

Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ các tiêu thức lựa chọn và danh sách Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, cụ thể như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết năm 2019;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

2. Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất:

Căn cứ các tiêu thức trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách các công ty kiểm toán sẽ được lựa chọn kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty và ủy quyền Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn một trong các công ty kiểm toán trong danh sách sau đây:

- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt CPA (An Viet)
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam (CPA);
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn TCKT và Kiểm toán Nam Việt (AASCN);
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC).
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính Châu Á (FADACOM)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**